

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 54 /BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh mời các Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng tham gia báo giá cho gói thầu Cung cấp giấy vệ sinh tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị Quý nhà cung cấp gửi file word/excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Vật tư thiết bị, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm các tài liệu sau:
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có).
- + Catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác (nếu có).
- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 12/06/2022
- Điện thoại liên hệ: 028.39525244 (Chị Lan - Phòng Vật tư thiết bị).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M06-048-ctklan) (3).



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tấn
Phó Giám đốc

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào giá số 34/BVĐHYD-VTTB ngày 06/01/2022)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Giấy VS trắng 2 lớp	- Giấy 2 lớp, có lõi, đóng gói 10 cuộn/gói . - Định lượng: $\geq 17\text{gsm} \pm 2$ - Trọng lượng: $\geq 100\text{g/cuộn}$ - Chiều cao cuộn: $\geq 100\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 25\text{m}$, giấy 2 lớp - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc $\geq 120\text{N/m}$, theo chiều ngang: $\geq 40\text{N/m}$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	cuộn	234.000	
2.	Khăn giấy hộp 180 tờ	- Số lượng: ≥ 180 tờ/ hộp, - Kích thước: $\geq 18 \times 20$ (cm) x 2 lớp. - Định lượng $\geq 14\text{gsm} \pm 2\%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc $\geq 80\text{N/m}$, theo chiều ngang: $\geq 30\text{N/m}$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước:	hộp	400	



TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		$g/g \geq 7,0$ - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002			
3.	Khăn giấy hộp 100 tờ	- Số lượng: ≥ 100 tờ/ hộp, - Kích thước: $\geq 18 \times 20$ (cm) x 2 lớp. - Định lượng ≥ 14 gsm ± 2 % - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng ≥ 80 %, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc ≥ 80 N/m, theo chiều ngang: ≥ 30 N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $g/g \geq 7,0$ - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	Hộp	60.000	
4.	Khăn giấy Napkin	- Số lượng: ≥ 100 tờ/ xấp, - Kích thước: $\geq 33 \times 33$ cm. - Định lượng ≥ 18 gsm ± 2 % - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng nếp nổi, độ trắng ≥ 80 %, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc ≥ 150 /m, theo chiều ngang: ≥ 45 N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $g/g \geq 7,0$ - Chi tiêu hóa học:	xấp	17.000	

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		+ Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002			
5.	Giấy cuộn lớn	- Trọng lượng: $\geq 700\text{g/cuộn}$ - Định lượng $\geq 17\text{ gsm} \pm 2\%$ - Chiều dài: $\geq 200\text{m}$, giấy 2 lớp - Chiều cao cuộn: $\geq 95\text{mm}$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc $\geq 120\text{N/m}$, theo chiều ngang: $\geq 40\text{N/m}$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: g/g $\geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	cuộn	42.000	
6.	Giấy rút	- Số lượng: ≥ 100 tờ/ xấp, - Kích thước: $\geq 20 \times 20\text{cm}$. - Định lượng $\geq 18\text{ gsm} \pm 2\%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy không vón cục. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc $\geq 150\text{N/m}$, theo chiều ngang: $\geq 45\text{N/m}$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước:	xấp	160.000	

0.6
 ĐẾN
 21 H
 1P.H
 DƯ

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		$g/g \geq 7,0$ - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002			
7.	Giấy y tế 35x25 (cm)	- Đóng gói: Xấp ≥ 1 kg - Kích thước tờ: $\geq 25 \times 35$ cm, giấy 1 lớp; khoảng 350 tờ/ 1 kg. - Định lượng $\geq 30g/m^2/1$ lớp - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc $\geq 120N/m$, theo chiều ngang: $\geq 40N/m$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $g/g \geq 6,0$ - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Formaldehyd 0,002'	xấp	19.060	
8.	Giấy y tế 40x50 (cm)	- Đóng gói: Xấp ≥ 1 kg - Kích thước tờ: $\geq 40 \times 50$ cm, giấy 1 lớp; khoảng 150 tờ/ 1 kg. - Định lượng $\geq 30g/m^2/1$ lớp - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc $\geq 120N/m$, theo chiều ngang $\geq 40N/m$ + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $g/g \geq 6,0$ - Chi tiêu hóa học:	xấp	1.140	

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		+ Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Formaldehyd 0,002'			
9.	Xà bông nước rửa tay	- Dung dịch vệ sinh tay - Đóng gói: 5 lít/ can - Yêu cầu ngoại quan: + Xà bông có màu trắng, sạch, không đóng cục gây khó khăn trong quá trình sử dụng. + Không tạp chất và không có mùi khó chịu. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, số lượng trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Formaldehyd 0,002	lít	5.000	

TẾ
 VIỆN
 CY DI
 CHIMI
 TP

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/ -BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	Tên hàng hóa	Chi tiết kỹ thuật	Nhãn hiệu – ký hiệu	Nước sản xuất	Đvt	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú
1								
2								
3								
4								

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / đến ngày / /

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

